

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



HCMUARC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ

POSTGRADUATE TRAINING PROGRAM

NGÀNH
KIẾN TRÚC

Architecture

60.58.01.02

TP.HCM – 2012

MỤC LỤC

1	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	3
2	THỜI GIAN ĐÀO TẠO và KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	3
3	ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH	4
4	QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	4
4.1	Khái quát về chương trình đào tạo	4
4.2	Hình thức tổ chức dạy và học.....	4
4.3	Tổ chức giảng dạy các học phần	4
4.4	Đánh giá học phần.....	5
5	THANG ĐIỂM	5
6	KHUNG CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH	6
6.1	Cấu trúc chương trình đào tạo.....	6
6.2	Nội dung chương trình đào tạo	6
7	MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN.....	7
7.1	Các học phần chung	7
7.1.1	KQD01 - Triết học.....	7
7.1.2	KQD02 - Ngoại ngữ (Tiếng Anh).....	7
7.2	Các học phần bắt buộc	7
7.2.1	KQD03 - Phương pháp nghiên cứu khoa học.....	7
7.2.2	KQ01 - Lý thuyết tổ hợp không gian kiến trúc hiện đại.....	8
7.2.3	KQ02 - Tổ chức môi trường dịch vụ công cộng đô thị	8
7.2.4	K01 -Thẩm mỹ môi trường kiến trúc.....	8
7.2.5	K02 - Tổ chức môi trường ở đô thị.....	8
7.2.6	K03 - Tư duy lý luận kiến trúc đương đại	9
7.2.7	K04 - Đồ án Kiến trúc.....	9
7.3	Các học phần tự chọn	9
7.3.1	KQD04 - Bảo tồn di sản kiến trúc	9
7.3.2	KQD05 - Thiết kế Đô thị	9
7.3.3	KQD06 - Kiến trúc cảnh quan	10
7.3.4	KD01 - Xã hội học đô thị.....	10
7.3.5	KQ03 - Các Phương pháp nghiên cứu xã hội	10
7.3.6	KQ04 - Đồ án: Hình thái Không gian công cộng	10
7.3.7	KQ05 - Đồ án: Hình thái Không gian nhà ở và công trình.....	11
7.3.8	K05 - Cơ sở văn hóa Việt nam	11
7.3.9	K06 -Vật liệu công nghệ xây dựng mới.....	11
7.3.10	K07- Môi quan hệ giữa kiến trúc và các ngành nghệ thuật khác	11
7.4	Học phần chuẩn bị tốt nghiệp và tốt nghiệp.....	11
7.4.1	K08 - Tham quan + PP luận thực hiện Luận văn tốt nghiệp	11

7.4.2	Luận văn tốt nghiệp (09TC).....	12
-------	---------------------------------	----

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ POST - GRADUATE PROGRAM

Ngành đào tạo: Kiến trúc
Architecture
Mã số: 60.58.01.03
Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
Full-time

1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

+ Mục tiêu tổng quát của Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kiến trúc của Trường Đại học Kiến trúc Tp.HCM là cung cấp cho người học một chương trình đào tạo nâng cao làm cơ sở cho việc nghiên cứu lý luận và hành nghề kiến trúc trong bối cảnh Việt Nam.

+ Những mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo là:

- *Mục tiêu về kiến thức:*
 - **Nắm vững PP KH** để giải quyết những vấn đề của nghiên cứu lý luận & chuyên môn trong lĩnh vực kiến trúc phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt nam và thông lệ quốc tế;
 - **Nhận thức ở tầm nâng cao** kiến thức của một số chuyên ngành có *tính công cụ* để làm nền tảng cho việc ứng dụng vào việc nghiên cứu lý luận & chuyên môn trong lĩnh vực kiến trúc;
- *Mục tiêu về kỹ năng:*
 - **Biết vận dụng** những tri thức được học để độc lập nghiên cứu, lý giải một số vấn đề lý luận & chuyên môn trong lĩnh vực kiến trúc;
 - **Có năng lực đánh giá và phê bình** những hiện tượng văn hóa – kiến trúc – đô thị của Việt Nam & TG.
- *Mục tiêu về thái độ:*
 - **Nhận thức được** yêu cầu phản ánh, tiếp cận những sự thật, cách diễn giải khách quan, & chứng minh bằng những lập luận logic của NC khoa học.

2 THỜI GIAN ĐÀO TẠO và KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

+ Thời gian đào tạo: Từ 18 – 24 tháng.

+ Khối lượng Kiến thức: Tối thiểu 45 Tín chỉ

3 ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Người có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành (Kiến trúc) hoặc phù hợp (Quy hoạch) được đăng ký dự thi theo quy định của Quy chế đào tạo Trình độ thạc sĩ.

4 QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

4.1 Khái quát về chương trình đào tạo

- a) Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có thời lượng 45 tín chỉ.
- b) Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết hoặc 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận hoặc 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở hoặc 45 - 60 giờ viết tiểu luận, bài tập lớn hoặc luận văn tốt nghiệp.
- c) Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ học viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.
- d) Một tiết học được tính bằng 50 phút.

4.2 Hình thức tổ chức dạy và học

- a) Hình thức tổ chức dạy - học phù hợp với phương thức đào tạo sau đại học theo tín chỉ là cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động giảng dạy của giảng viên và học tập của học viên ứng với từng loại hình học phần hay bài học cụ thể, trong đó chú trọng đặc biệt khâu tự học, tự nghiên cứu, tự thực hành nhằm tích lũy đủ khối lượng kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của một chương trình đào tạo thạc sĩ.
- b) Có ba hình thức tổ chức hoạt động dạy - học trong đào tạo sau đại học:
 - Lên lớp: giảng viên giảng bài, hướng dẫn học viên thảo luận, làm bài tập và thực hiện các hoạt động khác.
 - Thực hành: giảng viên hướng dẫn học viên đi nghiên cứu, khảo sát, thực hiện đồ án chuyên ngành...
 - Tự học: học viên học tập theo hình thức cá nhân hoặc cặp/nhóm ở nhà, trong phòng học, thư viện v.v... để chuẩn bị nội dung lên lớp, củng cố kiến thức đã học, khám phá kiến thức mới, thực hiện những nhiệm vụ học tập khác được giảng viên giao.
- c) Tổ chức hoạt động dạy - học trong đào tạo thạc sĩ cần tăng cường phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; đẩy mạnh thảo luận, tăng cường học tập ngoại khóa, học tập theo chuyên đề, học tập tại hiện trường, công trường.

4.3 Tổ chức giảng dạy các học phần

- a) Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho học viên tích lũy trong quá trình học tập, nội dung học phần được phân bố giảng dạy đều trong một học kỳ. Thời lượng tối thiểu của học phần là 2 tín chỉ và tối đa là 4 tín chỉ.
- b) Nội dung học phần bao gồm 2 phần chính: giảng dạy lý thuyết và thực hành (bài tập, thí nghiệm, thực hành, tiểu luận), trong đó phần thực hành phải đảm bảo tối thiểu là 30 % thời lượng học phần.
- c) Học phần bắt buộc gồm những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình mà học viên bắt buộc phải tích lũy.

- d) Học phần lựa chọn gồm những nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp khác nhau của học viên trong một chuyên ngành, học viên được lựa chọn theo hướng dẫn của đơn vị đào tạo hoặc lựa chọn tùy ý để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình liên quan.
- e) Để thực hiện kế hoạch đào tạo, mỗi học phần phải có đề cương chi tiết được bộ môn thông qua và được cố định cho mỗi khóa đào tạo. Đề cương chi tiết phải thể hiện đầy đủ nội dung (theo mẫu tại Phụ lục 1): tên, mã số học phần; loại học phần (bắt buộc, lựa chọn); số tín chỉ; loại giờ tín chỉ, giảng viên; chuẩn kiến thức và kỹ năng đầu ra của học phần; mục tiêu học phần, tóm tắt nội dung học phần; học phần tiên quyết, song hành; nội dung chi tiết học phần; yêu cầu về bài tập, thảo luận và viết tiểu luận nghiên cứu; tài liệu tham khảo (tối thiểu giới thiệu 05 đầu sách); phương thức đánh giá và trọng số của từng lần kiểm tra, thi kết thúc học phần; điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Giảng viên học phần có trách nhiệm phổ biến cho học viên đề cương chi tiết, lịch trình giảng dạy vào giờ lên lớp đầu tiên của học phần.
- f) Nội dung học phần được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, hiện đại hóa phù hợp với trình độ phát triển khoa học, công nghệ và yêu cầu của thực tiễn. Việc điều chỉnh, bổ sung những nội dung cơ bản của học phần phải được Hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua và lập thành hồ sơ lưu tại đơn vị đào tạo.

4.4 Đánh giá học phần

- a) Đánh giá học phần được dựa trên các điểm thành phần (bài tập, tiểu luận, thi kết thúc học phần) và điểm tổng kết theo quy định của giảng viên trong từng học phần;
- b) Các điểm đánh giá học phần được chấm theo thang điểm 10, lẻ đến 0.5 điểm. Điểm học phần là tổng các điểm đánh giá học phần đã nhân với trọng số của từng điểm đánh giá được quy định trong đề cương chi tiết học phần, lấy đến hai chữ số thập phân và không làm tròn. Việc chấm kiểm tra, bài tập, chấm thi kết thúc học phần do GV phụ trách học phần đảm nhiệm.

5 THANG ĐIỂM

Thang điểm 10 có thể quy đổi sang thang điểm 4 (điểm số và điểm chữ) theo quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ.

	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Chữ	Số
Đạt*	từ 9,5 đến 10	A+	4,5
	từ 8,5 đến 9,4	A	4,0
	từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
	từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
	từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
	từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
	từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
	từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
Không đạt	dưới 4,0	F	0

6 KHUNG CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

6.1 Cấu trúc chương trình đào tạo

KHỐI KIẾN THỨC		Số TC	Tỷ lệ
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG	Triết học	2	11,11%
	Tiếng Anh	3	
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH	Bắt buộc	15	33,33%
	Lựa chọn	16	35,56 %
Luận văn tốt nghiệp		9	20%
Tổng số			100%

6.2 Nội dung chương trình đào tạo

Mã số	TÊN HỌC PHẦN	Số Tín chỉ	TC Lý thuyết	TC thực hành
	CÁC HỌC PHẦN CHUNG	5	4	1
KQD01	Triết học	2	2	0
KQD02	Ngoại ngữ	3	2	1
	CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC	15	9	7
KQD03	Phương pháp NCKH	2	2	0
KQ01	Lý thuyết tổ hợp KGKT hiện đại	2	1	1
KQ02	Tổ chức MT DVCC đô thị	2	1	1
K01	Thẩm mỹ môi trường kiến trúc	2	1	1
K02	Tổ chức môi trường ở đô thị	2	1	1
K03	Tư duy lý luận kiến trúc đương đại	2	1	1
K04	Đồ án Kiến trúc	3	0	3
	CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN	14		
KQD04	Bảo tồn di sản kiến trúc	2	2	0
KQD05	Thiết kế Đô thị	3	2	1
KQD06	Kiến trúc cảnh quan	3	2	1
KD01	Xã hội học đô thị	2	1	1
KQ03	Các PP nghiên cứu xã hội	2	1	1
KQ04	Đồ án: Hình thái KGCC	3	0	3
KQ05	Đồ án: Hình thái nhà ở & Công trình	3	0	3
K05	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0

K06	Vật liệu công nghệ xây dựng mới	2	1	1
K07	MQH giữa KT và các ngành NT khác	2	1	1
	TỐT NGHIỆP	11		11
K08	Tham quan + PP luận thực hiện LVTN	2	0	2
KQD	Luận văn tốt nghiệp	9	0	9
	Tổng cộng	45		

7 MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

7.1 Các học phần chung

7.1.1 KQD01 - Triết học

* Số tín chỉ: 02

Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, học phần Triết học nhằm nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận triết học, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt là nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên.

7.1.2 KQD02 - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)

* Số tín chỉ: 03

Học phần giúp học viên có thể đạt được trình độ B1 (mức 3/6) theo khung châu Âu. Cụ thể, sau khi học xong học phần, học viên có thể:

- Hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v.
- Xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ
- Viết đơn giản nhưng liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm
- Mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức ngữ pháp và từ vựng (liên quan đến các vấn đề văn hóa, xã hội, kỹ thuật, môi trường ...) ở trình độ trung cấp. Đồng thời, học phần giúp học viên luyện tập và trau dồi bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết. Nguồn tư liệu được sử dụng trong quá trình học được lấy từ sách, báo và tạp chí, từ biển quảng cáo, bảng báo hiệu thường gặp trong đời sống hằng ngày.

7.2 Các học phần bắt buộc

7.2.1 KQD03 - Phương pháp nghiên cứu khoa học

* Số tín chỉ: 02

Học phần giới thiệu các nội dung cơ bản sau:

- Giới thiệu những cách thức tiếp cận vấn đề thông thường công tác NC khoa học; qua đó người học có thể hình dung bước đầu về công việc này, đồng thời tự vận dụng vào trong các lựa chọn những hướng & đề tài nghiên cứu khoa học phù hợp với nhu cầu & sở trường của bản thân;

- Giới thiệu những phương pháp chung và phương pháp đặc thù sử dụng trong nghiên cứu khoa học;
- Giới thiệu sơ bộ về sự khác nhau giữa PP & phương pháp luận của một đề tài nghiên cứu khoa học;
- Giới thiệu qui trình thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học, cách thức tổ chức công tác nghiên cứu khoa học từ thu thập, xử lý thông tin đến trình bày & bảo vệ kết quả nghiên cứu...

7.2.2 KQ01 - Lý thuyết tổ hợp không gian kiến trúc hiện đại

* Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp các nội dung cơ bản:

- Các khái niệm và nội dung liên quan tới Tổ hợp, Không gian và Công năng kiến trúc
- Các phương pháp tổ hợp không gian kiến trúc cơ bản
- Tổ hợp Kiến trúc cao tầng
- Các thủ pháp tổ hợp không gian kiến trúc hiện đại
- Các bài tập tổ hợp không gian kiến trúc hiện đại

7.2.3 KQ02 - Tổ chức môi trường dịch vụ công cộng đô thị

* Số tín chỉ: 02

Học phần giới thiệu các nội dung:

- Khái quát sự hình thành và biến đổi của hệ thống dịch vụ công cộng trong sự phát triển của đô thị.
- Mối quan hệ đa chiều của hệ thống dịch vụ công cộng.
- Xu hướng phát triển của công trình công cộng và hệ thống dịch vụ công cộng.
- Những giải pháp nâng cao chất lượng công trình và hệ thống dịch vụ công cộng.

7.2.4 K01 -Thẩm mỹ môi trường kiến trúc

* Số tín chỉ: 02

- Học phần giới thiệu các khái niệm & PP cơ bản về thẩm mỹ môi trường KT (built environment) như: các nguyên tắc mỹ học, nghệ thuật học & nghệ thuật tổ chức môi trường xây dựng bên trong & bên ngoài công trình kiến trúc.
- Ngoài ra, học phần còn giới thiệu các quan điểm & yêu cầu tạo dựng môi trường thẩm mỹ của kiến trúc; đặc điểm & PP tạo dựng thẩm mỹ; khảo sát, nghiên cứu đối tượng & thiết kế thẩm mỹ; kinh nghiệm trong & ngoài nước...
- Việc định hướng thẩm mỹ MTKT cũng được đề cập ở cấp độ khơi gợi tư duy từ phía người học.

7.2.5 K02 - Tổ chức môi trường ở đô thị

* Số tín chỉ: 02

Học phần giới thiệu các nội dung:

- Khái quát về môi trường xây dựng - ở trong đô thị từ quy mô căn hộ đến phạm vi đơn vị ở và môi trường đô thị.
- Mối quan hệ đa chiều và các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề môi trường ở.
- Xu hướng phát triển và các vấn đề hiện nay của thiết kế môi trường ở.
- Những giải pháp nâng cao trong tổ chức và thiết kế môi trường ở.

7.2.6 K03 - Tư duy lý luận kiến trúc đương đại

* Số tín chỉ: 02

- Thông qua một số xu hướng kiến trúc hiện hành (đương đại) trên thế giới, học phần giới thiệu đến HV những vấn đề thuộc tư duy & lý luận trong kiến trúc đương đại của thế giới: nguồn gốc sâu xa của các nhánh tư duy, lý luận nghệ thuật nói chung & trong kiến trúc đương đại nói riêng, những ảnh hưởng & biến đổi của thời đại (kỹ thuật – công nghệ & vật liệu...) lên sự hình thành những tư tưởng nghệ thuật & kiến trúc mới.
- Tăng cường nhận thức của HV về hành trình tất yếu của NT nói chung & kiến trúc đương đại nói riêng;
- Giới thiệu một số cách thức tiếp cận những vấn đề lý luận trong các xu hướng KT hiện hành (đương đại) trên thế giới; qua đó người học có thể tự đúc rút những bài học kinh nghiệm cần thiết cho việc trau dồi những kiến thức, kỹ năng NC lý luận & thực hành thiết kế KT

7.2.7 K04 - Đồ án Kiến trúc

* Số tín chỉ: 03

Thông qua quá trình làm việc nhóm (*team work*), học viên được chia sẻ những kinh nghiệm nghề nghiệp của riêng mình với các nhóm ngành như QH, QLĐT... đồng thời vận dụng các kiến thức liên ngành để phân tích những phương thức tiếp cận của một dự án thực tế liên quan đến chủ đề.

7.3 Các học phần tự chọn

7.3.1 KQD04 - Bảo tồn di sản kiến trúc

* Số tín chỉ: 02

Học phần giới thiệu các khái niệm & PP cơ bản của khoa học bảo tồn & trùng tu di tích KT như: nguyên nhân hủy hoại & biến đổi các di tích, các quan điểm & yêu cầu về bảo tồn & trùng tu di tích, đặc điểm & PP trùng tu, khảo sát, nghiên cứu đối tượng trùng tu, thiết kế trùng tu, kinh nghiệm nước ngoài & định hướng bảo tồn cải tạo, nâng cấp các khu phố cổ, cũ ở VN.

7.3.2 KQD05 - Thiết kế Đô thị

* Số tín chỉ: 03

Học phần này giúp học viên tiếp cận các vấn đề cơ bản và các lý luận nâng cao của thiết kế đô thị bằng việc phát triển các nguyên tắc, phương pháp và cách thức thực hành cần thiết có được các thiết kế đô thị chất lượng. Học phần chú trọng vào việc xây dựng các nguyên tắc và giải pháp được thể chế hóa trong xây dựng, kiến trúc, quy hoạch đô thị, chú trọng vào việc

xây dựng không gian đô thị đa dạng và bền vững, tạo ra các môi trường đô thị chất lượng cao và dễ tiếp cận.

7.3.3 KQD06 - Kiến trúc cảnh quan

* Số tín chỉ: 03

Học phần sẽ giới thiệu các khái niệm chính, các lý luận, phương pháp và thực hành về kiến trúc cảnh quan. Với cấp độ không gian đô thị, học phần tập trung vào cách thức để phát triển cảnh quan đô thị hiện nay. Ngoài ra, học phần còn xây dựng các cách thức nghiên cứu, chỉ ra quá trình hình thành các không gian cảnh quan đô thị, và giới thiệu các kinh nghiệm của các khu vực khác nhau trong việc tổ chức không gian cảnh quan. Qua đó, học phần sẽ nhấn mạnh nội dung và phương pháp thực hiện việc thiết kế cảnh quan các khu vực dân dụng và các khu vực mở (không gian trống) trong đô thị.

7.3.4 KD01 - Xã hội học đô thị

* Số tín chỉ: 02

Học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản của xã hội học & đô thị hóa như: đô thị, xã hội học đô thị, lý thuyết đô thị hóa, di dân, tổ chức XH, lối sống đô thị, vấn nạn người nghèo đô thị, vấn đề nhà ở, PT đô thị theo hướng bền vững... làm nền tảng cho các nghiên cứu đô thị dưới góc độ của nghiên cứu xã hội học và việc đánh giá tác động xã hội.

Khẳng định vai trò to lớn của các yếu tố xã hội đối với quá trình phát triển đô thị, học phần còn cung cấp cho học viên những kiến thức & phương pháp thực hiện các nghiên cứu về mặt xã hội học đô thị. Qua đó, học viên nắm được những hiểu biết cơ bản về mối tương tác và những tác động của các yếu tố xã hội lên các giải pháp quy hoạch và quản lý đô thị.

7.3.5 KQ03 - Các Phương pháp nghiên cứu xã hội

* Số tín chỉ: 02

Học phần sẽ giới thiệu các khái niệm, các lý luận, phương pháp và cách thức để thực hiện các nghiên cứu về mặt xã hội học đô thị, qua đó học phần sẽ cung cấp kiến thức cho học viên về mối tương tác và những tác động đối với yếu tố xã hội của các giải pháp quy hoạch và quản lý đô thị. Từ đó có thể khẳng định vai trò to lớn của các yếu tố xã hội đối với quá trình phát triển đô thị. Học phần còn nâng cao về mặt phương pháp luận khi xây dựng các phương pháp nghiên cứu đô thị dưới góc độ của nghiên cứu xã hội học và việc đánh giá tác động xã hội.

7.3.6 KQ04 - Đồ án: Hình thái Không gian công cộng

* Số tín chỉ: 03

Trong Đồ án này, học viên được làm việc theo nhóm và tập trung nghiên cứu hình thái không gian đô thị dựa trên một trường hợp thực tiễn tại Tp.HCM. Đồ án đưa ra với từng giai đoạn nghiên cứu và các nhóm được yêu cầu từ mô tả bản sắc và đặc trưng địa phương đến phát triển các giá trị của khu vực, qua đó nghiên cứu hình thái tổ chức các không gian công cộng, vận dụng các kiến thức về cảnh quan, các đánh giá về mặt cộng đồng, các hoạt động của cư dân để tìm kiếm các giải pháp quy hoạch và tổ chức không gian. Học phần còn phát triển các tư duy và lý luận trong việc phát triển những không gian công cộng, góp phần kiến tạo những nơi chốn có giá trị trong đô thị.

7.3.7 KQ05 - Đồ án: Hình thái Không gian nhà ở và công trình

* Số tín chỉ: 03

Học phần phát triển những kiến thức nâng cao về tương tác giữa công trình kiến trúc với không gian đô thị. Thông qua cách làm việc theo nhóm để phát triển sự hiểu biết một cách toàn diện và sâu sắc về một các khu dân cư với hình thái nhà đa dạng hiện nay tại Tp.HCM. Phát triển những nội dung của học phần nguyên lý thiết kế và nhà ở, học phần xem xét các vấn đề hình thái từ khía cạnh hình thức, không gian công trình đến công năng sử dụng và các giá trị của không gian kiến trúc: văn hóa, xã hội, thẩm mỹ, con người... Bên cạnh việc thực hành phương pháp phân tích hình thái, đồ án còn phản ánh những lý luận kiến trúc kết hợp với không gian đô thị, tương tác về mặt quy mô, tổ chức không gian, yếu tố cảnh quan, tỷ lệ, đường nét hình khối. Các nhóm được yêu cầu làm việc cùng nhau để phát triển thiết kế và đề xuất phù hợp. Trong suốt đồ án, học viên sẽ tạo ra những ý tưởng để nâng cao lợi ích cộng đồng trong khi cải thiện tiêu chuẩn sống của người dân nói chung. Các kỹ năng ký họa, đồ họa và kỹ năng phân tích được cung cấp trong quá trình học tập.

7.3.8 K05 - Cơ sở văn hóa Việt nam

* Số tín chỉ: 02

Ngoài cơ sở lý luận về văn hóa và cách tiếp cận văn hóa Việt Nam, học phần gồm tri thức về quá trình hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam, các đặc điểm văn hóa Việt Nam qua cách tiếp cận hệ thống - tổng thể lẫn cách tiếp cận các thành tố, hiện tượng. Ngoài ra, học phần cũng dành thời lượng phù hợp cho việc thảo luận về văn hóa và bản sắc văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập văn hóa hiện nay.

7.3.9 K06 -Vật liệu công nghệ xây dựng mới

* Số tín chỉ: 03

Học phần giới thiệu một số kiến thức về KH công nghệ XD, các công nghệ chủ yếu trong XD nhà cao tầng, bổ sung kiến thức về kết cấu & thi công XD...

7.3.10 K07- Mối quan hệ giữa kiến trúc và các ngành nghệ thuật khác

* Số tín chỉ: 02

Học phần giới thiệu đặc trưng của một số ngành nghệ thuật quan trọng, sau đó nghiên cứu những mối QH của KT với các ngành nghệ thuật ấy.

7.4 Học phần chuẩn bị tốt nghiệp và tốt nghiệp

7.4.1 K08 - Tham quan + PP luận thực hiện Luận văn tốt nghiệp

* Số tín chỉ: 02

- **Phần Tham quan:** gồm 02 nội dung cơ bản: (i) một chuyến tham quan thực tế tại 01 đô thị cụ thể: có thể là trong hoặc ngoài nước (tùy thuộc vào yêu cầu thực tiễn của luận văn tốt nghiệp và khả năng của nhóm học viên: tối thiểu 12 SV) tại 01 trong những trường đại học có liên kết với nhà trường và (ii) Thu thập các tài liệu, số liệu phục vụ cho luận văn tốt nghiệp, chuẩn bị và thực hành một số phương pháp cần thiết cho luận văn tốt nghiệp.

- Trong quá trình tham quan học viên sử dụng các phương pháp quan sát trực quan, khảo sát điền dã, thu thập số liệu phân tích để từ đó chuẩn bị phần trình bày về đề tài như là một case study về chủ đề NC cụ thể.

- **Phần phương pháp luận:** Học phần gồm 02 nội dung cơ bản: (i) học viên thông qua phần trao đổi, thảo luận với các giảng viên chuyên ngành hoặc chuyên gia, khách mời để hình thành các ý tưởng và nội dung cơ bản của luận văn TN, (ii) qua đó xây dựng đề cương chi tiết cho luận văn tốt nghiệp.

Học viên cần xác định tên đề tài nghiên cứu, đối tượng, mục tiêu và các nội dung nghiên cứu. Học viên chuẩn bị các nội dung, tài liệu liên quan và xây dựng đề xuất nghiên cứu của luận văn.

Học phần sẽ được kết thúc bằng việc đánh giá đề cương của nhóm giảng viên. Đề cương luận văn được góp ý và phê duyệt sẽ là cơ sở thực hiện luận văn tốt nghiệp.

7.4.2 Luận văn tốt nghiệp (09TC)

* Số tín chỉ: 09

Thực hiện nội dung và quy cách của luận văn theo yêu cầu của quy chế đào tạo.